

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày: 03-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Bà Nguyễn Thị Mến

2/Bà Lê Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Võ Hoàng L**, sinh ngày 17/12/1988, tại: tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: số 258/6, đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị Bé H; có vợ Võ Thị Thu Q, sinh ngày 17/02/1991; con có 02 người (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án: Không (Về nhân thân: ngày 22/3/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc, ngày 08/02/2023 chấp hành xong hình phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vĩnh Long, hiện đã xóa án tích); tiền sự: Không. Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn áp dụng biện pháp tạm giam từ

ngày 16/6/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trà Ôn đến ngày 27/8/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn hủy bỏ biện pháp tạm giam cho tại ngoại. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. **Bùi Quang T1**, sinh ngày 24/9/2000, tại: tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: khóm 6, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X (chết) và bà Bùi Thúy Ph; anh chị em ruột có tất cả 02 người (kể cả bị cáo); tiền án: Không (Về nhân thân năm 2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản và tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đã xóa án tích do khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên); tiền sự: 01 lần, tháng 9/2021 đến tháng 4/2023 đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 16/6/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trà Ôn đến ngày 27/8/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn hủy bỏ biện pháp tạm giam cho tại ngoại. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. **Phan Hoàng P**, sinh ngày 22/01/2002, tại: tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số 48/6, đường Lưu Văn Liệt, phường 1 (phường 2 cũ), thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Phan Thị L; tiền án: Không (Về nhân thân ngày 02/10/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long phạt 03 năm 09 tháng tù về hành vi cố ý gây thương tích và cưỡng đoạt tài sản, ngày 08/02/2023 chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam Long Hòa, Cục C 10, hiện đã xóa án tích do khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên); tiền sự: Không. Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường 1 (phường 2 cũ), thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long từ ngày 16/6/2024 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

4. **Võ Tấn Đ**, sinh ngày 08/11/1982, tại: tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số 254A, tổ 20, khóm 6, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: xe honda khách (xe ôm); trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn D và bà Lê Thị Bé N; anh chị em ruột có tất

cả 03 người (kể cả bị cáo); tiền án: 01 lần (Tại bản án số 11/2018/HSST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long tuyên phạt Võ Tấn Đạt số tiền 20.000.000 đồng về tội đánh bạc, hiện chưa thi hành); tiền sự: Không (Về nhân thân ngày 17/9/2018 bị Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Vĩnh Long phạt 1.500.000 đồng hành vi đánh bạc và ngày 20/12/2021 bị Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Vĩnh Long phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, bị cáo đã thi hành xong). Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long từ ngày 16/6/2024 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Nguyễn Ái N**, sinh ngày 11/6/1991 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị **Võ Thị Thu Q**, sinh ngày 17/02/1991 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh **Đỗ Nhật G**, sinh ngày 10/3/2000 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: số 240/52/9A, đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1980 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4. **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là:

1. Anh **Huỳnh D** – Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt).

Địa chỉ: 3F-3G Hưng Đạo Vương, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Anh **Nguyễn Hoàng T** – Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt).

Địa chỉ: số 353, đường Nguyễn Văn Cừ, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:*

1. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 21/3/1983 (Vắng mặt).
2. Chị **Nguyễn Thị S**, sinh ngày 04/7/2004 (Có mặt).
3. Bà **Lê Thị U**, sinh năm 1960 (Vắng mặt).
4. Anh **Nguyễn Hoàng S**, sinh ngày 24/4/1985 (Có mặt).
5. Anh **Lê Văn U1**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
6. Ông **Lê Văn A1**, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ái N, sinh năm 1991, ngụ ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long thiếu Võ Hoàng L 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) nhưng chưa trả, L tìm N đòi nợ nhưng không gặp. Biết N đang ở nhà vợ tên Nguyễn Thị S, sinh năm 2004, ngụ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên khoảng 15 giờ ngày 07/6/2024 L rủ Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ đi xuống Trà Ôn tìm N đòi nợ. Khi đi L kêu Đỗ Nhật G, sinh ngày 10/3/2000, ngụ số 240/52/9A, đường 14 tháng 9, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (là lái xe cho vợ chồng L) lái xe ô tô biển số 64A-113.62 nhãn hiệu KIA (loại xe 4 chỗ) chở nhóm L xuống Trà Ôn.

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 07/6/2024 tài xế G chở nhóm L đến cửa nhà của chị S, lúc này N đang ngồi cửa nhà nhìn thấy nhóm của L xuống xe, N bỏ chạy vào trong thì bị T và P chạy đuổi theo, P cầm cây dao xép, N chạy xuống phía sau rồi vòng ra trước thì bị L giữ lại, Đ đứng kế bên L. Lúc này trong nhà chị S có ông Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 01/01/1980, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (là cha mẹ của S), bà Lê Thị U, sinh năm 1960 (là bà nội của S), cùng ngụ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Trong lúc giữ N lại và đòi tiền nợ thì L, T và P dùng tay, chân đánh N thì được bà U, bà H và ông Hoàng A can ngăn nhưng L, T và P tiếp tục đánh anh N, sau đó T có lượm đá chọi N nhưng không trúng, Đ đứng chặn bên ngoài, lúc này ông Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 24/4/1985 (là chú của S) ngụ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đi đến thì bị P lấy dao trong cốp xe ô tô rượt bỏ chạy. N nói với

L là do Trần Văn T, sinh năm 1984, ngụ khóm 6, phường 6, thành phố C mượn tiền của N nhưng chưa trả, từ đó N không có khả năng trả lại L, nên L muốn bắt N xuống C tìm T nói chuyện, anh N không chịu đi nên L dùng tay giữ vai và cổ của N, T dùng tay nắm tay của N kéo đi, P và Đ đi trước ra xe đợi, khi ra tới xe (đậu gần nhà chị S) thì Đ và P mở cửa xe đứng chờ, L câu cổ đưa N lên xe ô tô biển số 64A-113.62 ngồi hàng ghế sau, L vào ngồi cạnh N, sát cửa sau bên trái rồi đóng cửa lại; lần lượt P lên ngồi kế N, sau cùng là Đ lên ngồi bên phải và đóng cửa xe lại, lúc này N bị trong thế kẹt, do sợ bị đánh nên không dám phản kháng. T đi vòng ra phía trước ngồi ngang tài xế. Sau khi tất cả lên xe L kêu G lái xe đi. Sau khi nhóm L bắt N chở đi thì ông Hoàng A gọi điện báo Công an xã P. Khi xe ô tô biển số 64A-113.62 chạy được khoảng 200 mét thì P xuống xe quăng bỏ 02 cái dao, sau đó xe tiếp tục chạy đến cầu chợ xã P thì bị Công an xã P yêu cầu dừng xe, giải cứu cho N và mời tất cả về trụ sở làm việc.

Ngày 14/6/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, đến ngày 16/6/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn Quyết định khởi tố bị can đối với Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ về tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Theo Kết luận định giá tài sản số 28/KLHD-ĐGTS ngày 31/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thì xe ô tô biển số 64A-113.62, nhãn hiệu KIA, số loại Cerato, màu sơn đen có giá trị đến ngày 12/9/2024 là 465.604.500 đồng (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn năm trăm đồng*).

Vật chứng, đồ vật, tài liệu đã thu giữ và cần xử lý:

- 01 (một) xe ô tô biển số 64A-113.62 (loại xe 04 chỗ); 02 (hai) viên đá màu xanh, 01 (một) cái dao dài 64cm, 01 (một) cái dao dài 24cm (loại dao xếp) và 01 (một) điện thoại di động màu đen loại phím bấm của Võ Hoàng L.

- 01 (một) điện thoại di động màu đen xám loại phím bấm của Bùi Quang T, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định trả lại cho bị cáo T.

- 02 (hai) đĩa DVD-R được Cơ quan Cảnh sát điều tra trích xuất dữ liệu camera ghi lại tại nhà ông Nguyễn Hoàng A và 01 (một) thẻ nhớ 32GB HC ghi lại hình ảnh từ camera hành trình của xe ô tô biển số 64A-113.62 hiện lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng, bị hại anh N đã nhận xong nên không yêu cầu gì thêm.

- Chị Võ Thị Thu Q không yêu cầu xử lý các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ đã sử dụng xe của chị bắt người mà chỉ xin nhận lại xe ô tô biển số 64A-113.62.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKSTÔ ngày 27/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ phạm tội bắt người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Vị kiểm sát viên thực hành quyền công tố thông qua bản Cáo trạng số 56/CT-VKSTÔ ngày 27/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ phạm tội bắt người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố các bị cáo là đúng hành vi của các bị cáo, không oan, các bị cáo khai nhận: Vào khoảng 16 giờ 40 phút ngày 07/6/2024, tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, các bị cáo đòi tiền anh Nguyễn Ái N, sinh năm 1991, ngụ ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, nhưng anh N không trả, do tức giận nên Võ Hoàng L, Bùi Quang T yêu cầu anh N cùng đi xuống Cà Mau để tìm người đối chất nợ nần với anh N nhưng anh N không chịu đi, từ đó nhóm các bị cáo dùng vũ lực và uy hiếp tinh thần, ép buộc bắt anh N lên xe ô tô biển số 64A-113.62 rồi đưa anh N di chuyển trên đường, khi xe đi được một đoạn thì bị Công an xã P chặn bắt giải cứu cho anh N. Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã bồi thường cho bị hại anh N số tiền 10.000.000 đồng.

Bị hại anh Nguyễn Ái N trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của các bị cáo và thừa nhận trong vụ án này anh cũng có một phần lỗi đó là do anh thiếu tiền

của bị cáo Võ Hoàng L nhưng anh không có tiền trả cho bị cáo L và do anh tất sim liên lạc trốn tránh bị cáo L Vì vậy bị cáo L không liên lạc được với anh nên khi gặp anh do tức giận bị cáo L không kiềm chế được bản thân dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội, nhưng anh cũng không có bị thương tích gì và các bị cáo đã bồi thường cho anh số tiền 10.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Thu Q trình bày: Chị là vợ của bị cáo Võ Hoàng L, xe ô tô biển số 64A-113.62 là của chị do chị đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, nhưng hiện nay xe ô tô biển số 64A-113.62 đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vĩnh Long. Việc bị cáo L kêu Đỗ Nhật G dùng xe ô tô biển số 64A-113.62 của chị chở các bị cáo khác thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật chị không hay biết gì. Nay trong vụ án này chị không yêu cầu gì đối với các bị cáo mà chỉ xin Hội đồng xét xử cho chị được nhận lại xe ô tô nêu trên do đây là tài sản của chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Vào khoảng 17 giờ ngày 07/6/2024, có một nhóm người đi trên cùng một xe ô tô màu đen đến trước nhà anh thuộc ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long và có 04 người xuống xe, thấy vậy N bỏ chạy vào nhà và bị nhóm này rượt đuổi, trong đó có 02 người trực tiếp chạy xông vô nhà đuổi theo N, khi N chạy vòng qua hông nhà ra trước thì bị một người bắt giữ lại, còn một người đứng ở thêm nhìn; 03 người đã đánh N bằng tay, chân và chửi N thấy vậy anh vào can ngăn thì bị 01 người nam mặt áo đen đánh anh bằng tay trúng vào đầu, mặt và dùng chân đá trúng hong. Sau đó có người mặt áo đỏ cầm dao rượt anh và em anh tên Sơn nhưng không bị thương tích, tiếp theo đó tôi quay lại thì nhìn thấy người mặt áo cam câu, cặp cổ N lên xe ô tô đi và anh điện thoại báo trình báo Công an xã P. Anh bị đánh trúng đầu, mặt và hong nhưng không bị thương tích gì, không có điều trị và hiện không có thương tích gì nên trong vụ án này anh không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng là anh Nguyễn Hoàng T và anh Huỳnh D trình bày: Nguyên trước đây giữa Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vĩnh Long và chị Võ Thị Thu Q có ký hợp tín dụng vào ngày 01/7/2021 cho chị Q vay với số tiền 400.000.000 đồng,

thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền mua ô tô nhãn hiệu KIA Cerato 2.0 AT, với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 6.8%/năm. Thực hiện theo hợp đồng tính đến thời điểm này thì phía chị Q còn nợ Ngân hàng số tiền 194.216.491 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe ô tô biển số 64A-113.62 cho chị Q để chị Q và Ngân hàng thỏa thuận, nếu trường hợp không thỏa thuận được thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn trình bày luận tội vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ phạm tội bắt người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự Cụ thể:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 38; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng L từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2024 đến ngày 27/8/2024.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 38; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Bùi Quang T từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2024 đến ngày 27/8/2024.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 38; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan Hoàng P 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 38; Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Võ Tấn Đ 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P, Võ Tấn Đ đã bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Ái N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), anh N đã nhận xong và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Võ Thị Thu Q yêu cầu được nhận lại 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato 2.0 AT, biển số đăng ký 64A-113.62 nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị Q 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato 2.0 AT, biển số đăng ký 64A-113.62.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng xét thấy không có liên quan đến vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận mà dành riêng cho Ngân hàng một vụ kiện dân sự khác nếu chị Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ.

- *Về xử lý vật chứng:* Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã trả lại cho bị cáo Bùi Quang T 01 (một) điện thoại di động màu đen xám, loại bàn phím do đây là tài sản cá nhân của bị cáo và không có liên quan đến vụ án.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) viên đá màu xanh, 01 (một) cái dao dài 64cm, 01 (một) cái dao dài 24cm.

Tịch thu quá giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu đen, loại bàn phím của bị cáo Võ Hoàng L do bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Trả lại cho chị Võ Thị Thu Q chiếc xe nhãn hiệu KIA Cerato biển số 64A-113.62 do chị Q đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

Hiện các vật chứng trên do Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/8/2024.

- *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P, Võ Tấn Đ mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ trình bày: Các bị cáo đã biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn hối cải nên xin Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và các bị cáo xin được hưởng án treo.

Bị hại anh Nguyễn Ái N trình bày: Trong vụ án này anh cũng có một phần lỗi là do anh thiếu tiền của bị cáo L nhưng không có khả năng trả nên từ đó anh tắt sim điện thoại trốn tránh bị cáo L, vì vậy trong lúc tức giận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó anh tha thiết xin Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang tài vật thu giữ được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 07/6/2024, tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ

đòi tiền anh Nguyễn Ái N, sinh năm 1991, ngụ ấp B, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (anh N đang ở nhà vợ tại P, xã P), nhưng anh N không trả, do tức giận nên Võ Hoàng L, Bùi Quang T yêu cầu anh N cùng đi xuống Cà Mau để tìm người đối chất nợ nần với anh N nhưng anh N không chịu đi, từ đó nhóm các bị cáo dùng vũ lực và uy hiếp tinh thần, ép buộc bắt anh N lên xe ô tô biển số 64A-113.62 rồi đưa anh N di chuyển trên đường, khi xe đi được một đoạn thì bị Công an xã P chặn bắt giải cứu cho anh N.

Hành vi của các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội bắt người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Như vậy, Cáo trạng số 56/CT-VKSTÔ ngày 27/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố các bị cáo và lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền tự do cá nhân mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Các bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực nhận biết hành vi bắt, giữ người là vi phạm pháp luật, bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, cho thấy các bị cáo xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Cụ thể trong vụ án này các bị cáo đã dùng vũ lực và uy hiếp tinh thần của bị hại anh Nguyễn Ái N để đưa bị hại lên xe nhằm thực hiện theo yêu cầu của các bị cáo. Do vậy, hành vi trên của các bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh, tương xứng với từng hành vi các bị cáo đã gây ra, nhằm mục đích răn đe, giáo dục đối với từng bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn. Trong đó, bị cáo Võ Hoàng L là người khởi xướng cùng các bị cáo Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ trực tiếp thực hiện hành vi đưa bị hại anh N lên xe chở đi. Mặc dù giữa các bị cáo không có sự bàn bạc với nhau về việc bắt anh N, nhưng khi nghe bị cáo L muốn đưa anh N đến Cà Mau thì cả nhóm thống nhất ý chí với bị cáo L mà không ngăn cản.

Các bị cáo biết rõ là không có thẩm quyền bắt người nhưng các bị cáo L và T đã có hành vi khống chế, bắt anh N lên xe ô tô, còn các bị cáo P và Đ cùng đi với bị cáo L và T nhằm mục đích hỗ trợ cho bị cáo L và T bằng việc mở cửa xe, đứng đợi đến khi bị cáo L đưa anh N lên xe, các bị cáo cùng lên xe ngồi kế anh N, làm cho anh N trong thế vòng vây của các bị cáo không thể bỏ chạy được. Trong vụ án này bị cáo L là người giữ vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng và thực hiện hành vi khống chế bắt anh N lên xe nên mức hình phạt dành cho bị cáo phải nặng hơn so với các bị cáo khác. Bị cáo Bùi Quang T là người có vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo L thực hiện hành vi bắt người nên mức hình phạt dành cho bị cáo tuy nhẹ hơn bị cáo L nhưng nặng so với các bị cáo còn lại. Đối với bị cáo P và Đ là người có vai trò giúp sức cho bị cáo L, nhưng hành vi của các bị cáo ít nguy hiểm hơn so với bị cáo L và T nên mức hình phạt dành cho hai bị cáo nhẹ hơn bị cáo L và T.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Xét thấy, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2018/HSST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã tuyên phạt bị cáo Võ Tấn Đ số tiền 20.000.000 đồng về tội đánh bạc nhưng bị cáo chưa chấp hành nên được áp dụng tình tiết tái phạm theo quy định tại điểm h Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P, Võ Tấn Đ sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại anh Nguyễn Ái N số tiền 10.000.000 đồng; trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Võ Tấn Đ có ông nội là ông Nguyễn Văn G1 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P, Võ Tấn Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và các bị cáo đủ điều kiện được hưởng các tình tiết được quy định tại Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về

án treo. Ngoài ra, trong vụ án bị hại cũng có lỗi một phần đó là do bị hại thiếu tiền của bị cáo L nhưng không có khả năng trả nợ, vì vậy bị hại đã tắt sim điện thoại làm cho bị cáo L không liên lạc được trong lúc tức giận các bị cáo không kiềm chế được bản thân nên đã thực hiện hành vi phạm tội; bị hại anh Nguyễn Ái N đã làm đơn xin bãi nại, tha thiết xin Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử cho các bị cáo được hưởng treo thấy cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo thành người hữu dụng sau này và cho thấy chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[6] Xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P, Võ Tấn Đ đã bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Ái N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh N đã nhận xong và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Võ Thị Thu Q là chủ sở hữu chiếc ô tô biển số 64A-113.62, các bị cáo đã sử dụng xe của chị để thực hiện hành vi phạm tội nhưng chị không có yêu cầu gì đối với các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe biển số 64A-113.62 do chị Võ Thị Thu Q đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, để cho chị Q và Ngân hàng thỏa thuận thanh toán nợ nếu trường hợp không thỏa thuận được thì Ngân hàng sẽ làm đơn khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã trả lại cho bị cáo Bùi Quang T 01 (một) điện thoại di động màu đen xám, loại bàn phím do đây là tài sản cá nhân của bị cáo và không có liên quan đến vụ án.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) viên đá màu xanh, 01 (một) cái dao dài 64cm, 01 (một) cái dao dài 24cm.

Tịch thu quá giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu đen, loại bàn phím của Võ Hoàng L do đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Đối với chiếc 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato, biển số 64A-113.62 (loại xe 4 chỗ) của chị Q đang bị tạm giữ đã được chị Q thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng để vay tiền. Xét thấy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, cũng như đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của chị Q cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại chiếc xe nêu trên cho chị Q.

Hiện các vật chứng trên do Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/8/2024.

[9] Về vấn đề khác: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn không xử lý hành vi cố ý gây thương tích đối với các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ; không xử lý Đỗ Nhật G hành vi bắt người trái pháp luật là có cơ sở.

[10] Về Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 38; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng L **01 (Một)** năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **02 (Hai)** năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/12/2024).

Giao người bị kết án Võ Hoàng L cho Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 38; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Quang T **09 (Chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01 (Một)** năm **06 (Sáu)** tháng, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/12/2024).

Giao người bị kết án Bùi Quang T cho Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 38; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Hoàng P **06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01 (Một)** năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/12/2024).

Giao người bị kết án Phan Hoàng P cho Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 38; Điều 17; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Võ Tấn Đ **06 (Sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **01 (Một)** năm, thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/12/2024).

Giao người bị kết án Võ Tấn Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với người bị kết án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp

hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P, Võ Tấn Đ đã bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Ái N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), anh N đã nhận xong và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Võ Thị Thu Q là chủ sở hữu chiếc ô tô biển số 64A-113.62, các bị cáo đã sử dụng xe của chị để thực hiện hành vi phạm tội nhưng chị không có yêu cầu gì đối với các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe biển số 64A-113.62 do chị Võ Thị Thu Q đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, để cho chị Q và Ngân hàng thỏa thuận thanh toán nợ nếu trường hợp không thỏa thuận được thì Ngân hàng sẽ làm đơn khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã trả lại cho bị cáo Bùi Quang T 01 (một) điện thoại di động màu đen xám, loại bàn phím do đây là tài sản cá nhân của bị cáo và không có liên quan đến vụ án.

Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) viên đá màu xanh, 01 (một) cái dao dài 64cm, 01 (một) cái dao dài 24cm.

Tịch thu quá giá sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu đen, loại bàn phím của Võ Hoàng L do đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho chị Võ Thị Thu Q chiếc 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato, màu đen, biển số 64A-113.62 (loại xe 4 chỗ) xe đã qua sử dụng.

Hiện các vật chứng trên do Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/8/2024.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Võ Hoàng L, Bùi Quang T, Phan Hoàng P và Võ Tấn Đ mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (01);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (01);
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long (01);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (01);
- VKSND huyện Trà Ôn (01);
- CCTHADS huyện Trà Ôn (01);
- Công an huyện Trà Ôn (02);
- UBND phường 1 (01);
- UBND phường 5 (02);
- UBND thị trấn L (01);
- Bị cáo (04);
- Bị hại (01);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (04);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Văn Phương